TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **394**/2023/DS-ST
Ngày: 31/7/2023
V/v tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Định
Các hội thẩm nhân dân:
1 Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh
2 Bà Phan Thị Tuyết Hằng
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.
Đại diện Viện Kiểm sát Nhân Dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 380/2022/TLST-DS ngày 06/10/2022 về việc Tranh chấp đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 373/2023/QĐXXST-DS ngày 06/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:

Nguyên vào tháng 3 năm 2021 (dương lịch) cho đến tháng 4 năm 2022 (dương lịch), ông Nguyễn Minh H có cho bà Phạm Thị Thu T nhiều lần vay

tiền, tổng số tiền vay là 96.530.000 đ (Chín mươi sáu triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng). Tiền chuyển khoản 10 lần cụ thể như sau:

Lần 1: 07/02/2021, ông H chuyển khoản cho bà T 10.000.000đ, từ số tài khoản 060258278898, tài khoản sacombank do ông H là chủ tài khoản chuyển đến số tài khoản 0511000460514, ngân hàng Vietcombank, do bà T đứng tên chủ tài khoản, nội dung: H.

Lần 2: Ngày 19/3/2021, ông H chuyển khoản cho bà T 1.500.000đ, từ số tài khoản 060258278898, tài khoản sacombank do ông H là chủ tài khoản chuyển đến số tài khoản 0511000460514, ngân hàng Vietcombank, do bà T đứng tên chủ tài khoản, nội dung: L.

Lần 3: 06/11/2021, ông H chuyển khoản cho bà T 10.000.000đ, từ số tài khoản 060258278898, tài khoản sacombank do ông H là chủ tài khoản chuyển đến số tài khoản 0511000460514, ngân hàng Vietcombank, do bà T đứng tên chủ tài khoản, nội dung: Minh h.

Lần 4: 17/11/2021, ông H chuyển khoản cho bà T 10.000.000đ, từ số tài khoản 060258278898, tài khoản sacombank do ông H là chủ tài khoản chuyển đến số tài khoản 0511000460514, ngân hàng Vietcombank, do bà T đứng tên chủ tài khoản, nội dung: Minh h.

Lần 5: 03/01/2022, ông H chuyển khoản cho bà T 5.000.000đ, từ số tài khoản 060258278898, tài khoản sacombank do ông H là chủ tài khoản chuyển đến số tài khoản 0511000460514, ngân hàng Vietcombank, do bà T đứng tên chủ tài khoản, nội dung: ks minh h.

Lần 6: 17/02/2022, ông H chuyển khoản cho bà T 5.000.000đ, từ số tài khoản 060258278898, tài khoản sacombank do ông H là chủ tài khoản chuyển đến số tài khoản 0511000460514, ngân hàng Vietcombank, do bà T đứng tên chủ tài khoản, nội dung: ks mnh H.

Lần 7: 01/3/2022, ông H chuyển khoản cho bà T 3.000.000đ, từ số tài khoản 060258278898, tài khoản sacombank do ông H là chủ tài khoản chuyển đến số tài khoản 0511000460514, ngân hàng Vietcombank, do bà T đứng tên chủ tài khoản, nội dung: minh h.

Lần 8: 10/3/2022, ông H chuyển khoản cho bà T 20.000đ, từ số tài khoản 060258278898, tài khoản sacombank do ông H là chủ tài khoản chuyển đến số tài khoản 0511000460514, ngân hàng Vietcombank, do bà T đứng tên chủ tài khoản, nội dung: H.

Lần 9: 10/3/2022, ông H chuyển khoản cho bà T 10.000đ, từ số tài khoản 060258278898, tài khoản sacombank do ông H là chủ tài khoản

chuyển đến số tài khoản 0511000460514, ngân hàng Vietcombank, do bà T đứng tên chủ tài khoản, nội dung: H.

Lần 10: 09/4/2022, ông H chuyển khoản cho bà T 2.000.000đ, từ số tài khoản 060258278898, tài khoản sacombank do ông H là chủ tài khoản chuyển đến số tài khoản 0511000460514, ngân hàng Vietcombank, do bà T đứng tên chủ tài khoản, nội dung: Minh h.

Tổng số tiền chuyển khoản là 46.530.000 đồng.

Cách thức bà T vay tiền là điện thoại cho ông H hỏi vay tiền, sau đó ông H chuyển khoản cho bà T, không lập biên nhận, không lập hợp đồng vay, lý do trước đó tôi và bà T là xóm giềng của nhau và bà T có hỏi vay tiền nhiều lần, nên những lần vay sau này ông H chuyển khoản cho bà T. Lý do ông H không để nội dung cụ thể khi chuyển tiền cho bà T vay là do tin tưởng, vay không lãi. Bà T nói vay về để xoay sở việc riêng.

Ngoài ra, ông H còn cho bà T vay bằng tiền mặt gồm có ba lần.

Lần đầu vào tháng 3 năm 2021 (dương lịch) là 10.000.000 đ, ngày không nhớ ngày nào, hai bên không làm giấy tờ, đưa tiền tại nhà tại Tân Nhựt. Chỉ có ông H và bà T biết ngoài ra không có ai biết, do tin tưởng, vay không lãi.

Lần thứ hai vào ngày 26 tháng 4 năm 2021 (dương lịch), ông H cho bà T vay 30.000.000 đ, giao tại nhà tại Tân Nhựt. Số tiền này bà T mượn để trả tiền làm răng, hai bên không làm giấy tờ gì hết, lúc nhận tiền có ông Nguyễn Văn Trắng làm chứng, ông Trắng là hàng xóm lại chơi, do tin tưởng, vay không lãi.

Lần thứ ba vào tháng 3 năm 2022 (dương lịch), ngày không nhớ, ông H cho bà T vay 10.000.000đ, mục đích bà T vay về soay sở việc riêng, hai bên cũng không làm giấy tờ, (có anh Trắng làm chứng lúc nhận tiền), do tin tưởng, vay không lãi.

Tổng số tiền mặt ông H đưa trực tiếp cho bà T vay là 50.000.000đ.

Tổng số tiền chuyển khoản và tiền mặt là 96.530.000 đ. Số tiền này ông H cho bà T mượn không tính lãi . Vì bà T là chỗ thân thuộc xóm giềng nên ông H giúp đỡ nên không tính tiền lãi. Đã nhiều lần ông H yêu cầu bà T trả số tiền trên nhưng bà T hứa hẹn rồi không trả.

Nay ông Nguyễn Minh H khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Thu T phải trả lại cho ông H tổng số tiền vay còn nợ là 96.530.000 (chín mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi nghìn) đồng.

Tại phiên tòa, ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện là đòi tài sản, buộc bà T trả lại số tiền đã nhận từ ông H tổng cộng là 96.530.000 (chín mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi nghìn) đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị Thu T trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh H có quen biết nhau, có quan hệ tình cảm nam nữ. Khoảng tháng 9/2020 (dương lịch), ông H có nói với bà là nghỉ làm chỗ cũ để về làm đất đai với ông H thì ông H sẽ cho tiền hoa hồng nhưng không nói bao nhiêu phần trăm, trả lương cho bà là 10.000.000 (mười triệu) đồng, sau đó khoảng tháng 9/2020, bà có nghỉ làm và về chỗ ông H làm, ông H có trả lương và tiền hoa hồng cho bà nhưng trả không đúng như thỏa thuận và hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng, không có hợp đồng lao động. Sau đó khoảng vài tháng thì hai bên phát sinh quan hệ tình cảm nam nữ.

Chuyển khoản 10 lần chuyển khoản với tổng số tiền như ông H trình bày là 46.530.000 (bốn mươi sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn) đồng là bà có nhận được qua số tài khoản của ông H chuyển qua số tài khoản của bà, số tài khoản 0511000460514, ngân hàng Vietcombank. Nhưng đây là số tiền ông H cho bà.

Ông H có cho bà T 03 lần tiền mặt, lần đầu 10.000.000 (mười triệu) đồng, lần 2 là khoảng 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng, lần 3 cho 10.000.000 (mười triệu) đồng, về thời gian thì bà không nhớ.

Toàn bộ số tiền bà trình bày ở trên là ông H cho bà, giữa hai bên có mối quan hệ tình cảm nam nữ nên ông H cho bà. Hoàn toàn giữa bà và ông H không có vay mượn tiền như trình bày của ông H. Ông Nguyễn Văn T là người làm thuê cho ông H, trong khi ngồi ăn uống ông Trắng chỉ nghe biết được là ông H có đưa tiền cho bà đi làm răng, bà không vay mượn gì của ông H.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà T không đồng ý, vì bà T không có vay mượn ông H bất cứ số tiền nào. Giữa hai bên có quan hệ tình cảm nên ông H cho bà , nay ông H đòi lại số tiền trên thì bà T không đồng ý.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để nguyên đơn yêu cầu tiếp cận tài liệu là đoạn tin nhắn mà bị đơn cung cấp; bị đơn trình bày có thể cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ làm

ăn và số tiền bị đơn được nhận là tiền thù lao, không phải là tiền nguyên đơn cho mượn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Minh H khởi kiện đòi tài sản yêu cầu bà Phạm Thị Thu T trả tiền, bà T có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thanh H là vợ của ông Nguyễn Minh H có bản tự khai trình bày đây là tài sản của riêng cá nhân ông H, bà không liên quan, bà từ chối tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy không đưa bà H vào tham gia tố tụng là phù hợp pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Căn cứ vào các phiếu chuyển tiền thể hiện:

- PH ủy nhiệm chi ngày 07/02/2021, người chuyển: NGUYEN MINH H, tài khoản chuyển: 060258278898, người thụ hưởng: Phạm Thị Thu T, số tài khoản: 0511000460514, số tiền: 10.000.000 đồng, nội dung: H
- PH ủy nhiệm chi ngày 06/11/2021, người chuyển: NGUYEN MINH H, tài khoản chuyển: 060258278898, người thụ hưởng: Phạm Thị Thu T, số tài khoản: 0511000460514, số tiền: 10.000.000 đồng, nội dung: Minh h
- PH chuyển tiền ngày 17/11/2021, người chuyển : NGUYEN MINH H, tài khoản chuyển: 060258278898, người thụ hưởng: Phạm Thị Thu T, số tài khoản: 0511000460514, số tiền: 10.000.000 đồng, nội dung: Minh h
- PH ủy nhiệm chi ngày 03/01/2022, người chuyển : NGUYEN MINH H, tài khoản chuyển: 060258278898, người thụ hưởng: Phạm Thị Thu T, số tài khoản: 0511000460514, số tiền: 5.000.000 đồng, nội dung: Ks minh h

- PH ủy nhiệm chi ngày 09/4/2022, người chuyển: NGUYEN MINH H, tài khoản chuyển: 060258278898, người thụ hưởng: Phạm Thị Thu T, số tài khoản: 0511000460514, số tiền: 2.000.000 đồng, nội dung: Minh h

- PH ủy nhiệm chi ngày 10/3/2022, người chuyển : NGUYEN MINH H, tài khoản chuyển: 060258278898, người thụ hưởng: Phạm Thị Thu T, số tài khoản: 0511000460514, số tiền: 20.000 đồng, nội dung: H

- PH ủy nhiệm chi ngày 10/3/2022, người chuyển: NGUYEN MINH H, tài khoản chuyển: 060258278898, người thụ hưởng: Phạm Thị Thu T, số tài khoản: 0511000460514, số tiền: 10.000 đồng, nội dung: H

- PH ủy nhiệm chi ngày 17/02/2022, người chuyển : NGUYEN MINH H, tài khoản chuyển: 060258278898, người thụ hưởng: Phạm Thị Thu T, số tài khoản: 0511000460514, số tiền: 5.000.000 đồng, nội dung: Ks minh h

- PH ủy nhiệm chi ngày 01/3/2022, người chuyển : NGUYEN MINH H, tài khoản chuyển: 060258278898, người thụ hưởng: Phạm Thị Thu T, số tài khoản: 0511000460514, số tiền: 3.000.000 đồng, nội dung: Minh h

- PH ủy nhiệm chi ngày 19/3/2021, người chuyển: NGUYEN MINH H, tài khoản chuyển: 060258278898, người thụ hưởng: Phạm Thị Thu T, số tài khoản: 0511000460514, số tiền: 1.500.000 đồng, nội dung: L

[5] Tổng cộng số tiền ông H chuyển khoản vào tài khoản của bà T là 46.530.000 (bốn mươi sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn) đồng. Số tài khoản chuyển tiền và số tài khoản nhận tiền thì ông H và bà T đều xác nhận là của ông H và bà T. Do đó, có cơ sở xác định bà T có nhận số tiền chuyển khoản từ tài khoản của ông H theo các pH ủy nhiệm chi. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn ông H về việc yêu cầu bà T hoàn trả số tiền đã nhận chuyển khoản là 46.530.000 (bốn mươi sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn) đồng.

[6] Ông H trình bày có đưa tiền mặt cho bà T 03 (ba) lần với tổng cộng là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Đối với số tiền mặt 50.000.000 đồng khi đưa tiền ông H không có lập biên nhận, bà T cũng thừa nhận có nhận số tiền này từ ông H 03 lần tiền mặt với tổng số tiền mặt là 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng. Khi đưa số tiền mặt thì ông H trình bày có người làm chứng là ông Nguyễn Văn Trắng. Tòa án đã ghi nhận ý kiến của ông Trắng, ông Trắng trình bày có thấy ông H đưa tiền cho bà T nhưng không biết đưa bao nhiêu tiền và đưa tiền với nội dung gì. Do đó, đối với số tiền mặt 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu bà T trả số tiền 50.000.000 đồng mà có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông H về việc yêu cầu bà T trả số tiền 48.000.000 đồng.

[7] Căn cứ khoản 2 Điều 164 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định biện pháp bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản như sau:

2. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

[8] Căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, quy định quyền đòi lại tài sản như sau:

1. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H buộc bị đơn bà Phạm Thị Thu T phải trả cho ông H số tiền 94.530.000 (chín mươi tư triệu năm trăm ba mươi nghìn) đồng.

[10] Xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận; bà Phạm Thị Thu T phải chịu án phí đối với yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận.

Cụ thể, ông Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.413.250 (hai triệu bốn trăm mười ba nghìn hai trăm năm mươi) đồng mà ông H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0041710 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H được nhận lại số tiền 2.113.250 (hai triệu một trăm mười ba nghìn hai trăm năm mươi) đồng tiền chênh lệch.

Bà T phải chịu 4.726.500 (bốn triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 164 và Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015*;*

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H về việc "Tranh chấp đòi tài sản" đối với bị đơn bà Phạm Thị Thu T.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Thu T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Minh H số tiền nợ gốc là 94.530.000 (chín mươi bốn triệu năm trăm ba mươi nghìn) đồng.

Các bên thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền .

Kể từ ngày ông Nguyễn Minh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị Thu T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận; bà Phạm Thị Thu T phải chịu án phí đối với yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận

Ông Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.413.250 (hai triệu bốn trăm mười ba nghìn hai trăm năm mươi) đồng mà ông H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0041710 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H được nhận lại số tiền 2.113.250 (hai triệu một trăm mười ba nghìn hai trăm năm mươi) đồng tiền chênh lệch.

Bà T phải chịu 4.726.500 (bốn triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân

sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Định

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Định

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Định

Nwiabe:Dwwwwwf:VKSNDH BC:THDSH BC:Lwwbleviwjw:ZAAKASS+JEBwf-CAC